**Câu 1:Trình bày định nghĩa CNXHKH?Phân tích điều kiện kinh tế-xã hội cho sự ra đời CNXHKH?**

Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo hai nghĩa:

Theo nghĩa rộng, Chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác- Lênin, luận giải từ các góc độ triết học, kinh tế học chính trị và chính trị- xã hội về sự chuyển biến tất yếu của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. V.I Lênin đã đánh giá khái quát bộ “Tư bản” - “... tác phẩm chủ yếu và cơ bản trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học... những yếu tố từ đó nảy sinh ra chế độ tương lai”.

Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác Lênin. Trong tác phẩm “Chồng Đuyrinh”, Ph.Ăngghen đã viết ba phần: “triết học”, “kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học”. VILênin, khi viết tác phẩm “Ba nguồn gốc và ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác”, đã khẳng định: “Nó là người thừa kế chính đáng của tất cả những cái tốt đẹp nhất mà loài người đã tạo ra hồi thế kỷ XIX, đó là triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp”.

Điều kiện kinh tế - xã hội

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp đã hoàn thành nước Anh và bắt đầu chuyển sang nước Pháp, Đức làm xuất hiện một lực lượng sản xuất mới, đó là nên đại công nghiệp. Nển đại công nghiệp phát triển đã làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc. Trong tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ph.Ăngghen đánh giá: “Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ đã tạo ra một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước đây gộp lại”. Đây chính là nguyên nhân làm xuất hiện mâu thuẫn ngày càng quyết liệt giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tự nhận tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp, sự ra đời hai hai giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản (giai cấp công nhân). Cũng từ đây, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản ngày càng phát triển mạnh mẽ. Nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu và từng bước có tổ chức và trên quy mô rộng khắp. Phong trào Hiến chương của những người lao động ở nước Anh diễn ra trên 10 năm (1836 - 1848); Phong trào công nhân dệt ở thành phố Xi-lê đi, nước Đức diễn ra năm 1844. Đặc biệt, phong trào công nhân dệt thành phố Li-on, nước Pháp diễn ra vào năm 1831 và năm 1834 đã có tính chất chính trị rõ nét. Nếu năm 1831, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Li-on giường cao khẩu hiệu thuần túy có tính chất kinh tế “sống có việc làm hay là chết trong đấu tranh” thì đến năm 1834, khẩu hiệu của phong trào đã chuyển sang mục đích chính trị: “Cộng hòa hay là chết”.

Sự phát triển nhanh chóng có tính chính trị công khai của phong trào công nhân đã minh chứng, lần đầu tiên, giai cấp công nhân đã xuất hiện như một lực lượng chính trị độc lập với những yêu sách kinh tế, chính trị riêng của mình và đã bắt đầu hướng thắng mũi nhọn của cuộc đấu tranh vào kẻ thù chính của mình là giai cấp tư sản. Sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đòi hỏi một cách bức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động.

Điều kiện kinh tế - xã hội ấy không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời một lý luận mới, tiến bộ - Chủ nghĩa xã hội khoa học.

**Câu 2: Phân tích tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lí luận cho sự ra đời của CNXHKH?**

*- Tiền đề khoa học tự nhiên*

Cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, nhân loại đã đạt nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội tạo nền tảng cho phát triển tư duy lý luận. Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng: *Học thuyết Tiến hóa: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng: Học thuyết tế bào*'. Những phát minh này là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị - xã hội đương thời.

*- Tiền đề tư tưởng lý luận*

Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: Ph.Hêghen (1770 -1831) và L. Phoiơbắc (1804 - 18*7*2); kinh tế chính trị học cổ điển Anh với A.Smith (1723-1790) và D.Ricardo (1*77*2-1823); chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán mà đại biểu là Xanh Ximồng (1760-1825), S.Phuric (1772 1837) và R.Oen (1771-1858).

Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp đã có những giá trị nhất định:1) Thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tự bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột, của cải khánh kiệt, đạo đức đảo lộn, tội ác gia tăng; 2) đã đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai: về tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội; vai trò của công nghiệp và khoa học - kỹ thuật; yêu cầu xóa bỏ sự đối lập giữa lao động chân tay và lao động trí óc; về sự nghiệp giải phóng phụ nữ và về vai trò lịch sử của nhà nước...; 3) chính những tư tưởng có tính phê phán và sự dấn thân trong thực tiễn của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, trong chừng mực, đã thức tỉnh giai cấp công nhân và người lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa đầy bất công, xung đột.

Tuy nhiên, những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán còn không ít những hạn chế hoặc do điều kiện lịch sử, hoặc do chính sự hạn chế về tầm nhìn và thế giới quan của những nhà tư tưởng, chẳng hạn, không phát hiện ra được quy luật vận động và phát triển của xã hội loài người nói chung; bản chất, quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng, không phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, giai cấp công nhân, không chỉ ra được những biện pháp hiện thực cải tạo xã hội áp bức, bất công đương thời, xây dựng xã hội mới tốt đẹp. VILênin trong tác phẩm “Ba nguồn gốc, ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác đã nhận xét: Chủ nghĩa xã hội không tưởng không thể vạch ra được lối thoát thực sự. Nó không giải thích được bản chất của chế độ làm thuê trong chế độ tư bản, cũng không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tự bản và cũng không tìm được lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo ra xã hội mới. Chính vì những hạn chế ấy, mà chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán chỉ dừng lại ở mức độ một học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng- phê phán. Song vượt lên tất cả, những giá trị khoa học, công hiến của các nhà tư tưởng đã tạo ra tiền đề tư tưởng- lý luận, để C.Mác và Ph.Ănghen kế thừa những hạt nhân hợp lý, lọc bỏ những bất hợp lý, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.

**Câu 3: Phân tích vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời của CNXHKH?**

Những điều kiện kinh tế- xã hội và những tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận là điều kiện cần cho một học thuyết ra đời, sống điều kiện đủ để học thuyết khoa học, cách mạng và sãng tạo ra đời chính là vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen.

C.Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895) trưởng thành ở Đức, đất nước có nền triết học phát triển rực rỡ với thành tựu nổi bật là chủ nghĩa duy vật của L.Phoiơbắc và phép biện chứng của Ph.Hêghen. Bằng trí tuệ uyên bác và sự dấn thân trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động C. Mác và Ph. Angghen đến với nhau, đã tiếp thu các giá trị của nền triết học cổ điển, kinh tế chính trị học cổ điển Anh và kho tàng tri thức của nhân loại để các ông trở thành những nhà khoa học thiên tài, những nhà cách mạng vĩ đại nhất thời đại.

1.. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

Thoạt đầu, khi bước vào hoạt động khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen là hai thành viên tích cực của câu lạc bộ Hêghen trẻ và chịu ảnh hưởng của quan điểm triết học của V.Ph.Hêghen và L.Phoiơbắc. Với nhãn quan khoa học uyên bác, các ông đã sớm nhận thấy những mặt tích cực và hạn chế trong triết học của Ph.Hêghen và I Phoiơbắc. Với triết học của V.P.Hêghen, tuy mang quan điểm duy tâm, nhưng chứa đựng “cái hạt nhân hợp lý của phép biện chứng, còn đối với triết học của L.Phoiơbắc, tuy mang năng quan điểm siêu hình, song nội dung lại thân nhuẩn quan niệm duy vật. C.Mác và Ph.Ăng ghen đã kế thừa “cái hạt nhân hợp lý”, cải tạo và loại bỏ cái vỏ thân bí duy tâm, siêu hình để xây dựng nên lý thuyết mới chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Với CMác, từ cuối năm 1843 đến 4/1844, thông qua tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu (1844)”, đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

Đối với Ph.Ăngghen, từ năm 1843 với tác phẩm “Tình cảnh nước Anh”; “Lược khảo khoa kinh tế - chính trị” đã thể hiện rõ sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa .

Chỉ trong một thời gian ngắn (từ 1843 -1848) vừa hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã thể hiện quá trình chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị và từng bước củng cố, dứt khoát, kiên định, nhất quán và vững chắc lập trường đó, mà nếu không có sự chuyển biến này thì chắc chắn sẽ không có Chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen

*- Chủ nghĩa duy vật lịch sử*

Trên cơ sở kế thừa “cái hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng và lọc bỏ quan điểm duy tâm, thần bí của Triết học Ph.Hêghen; kế thừa những giá trị duy vật và loại bỏ quan điểm siêu hình của Triết học L.Phoiơbắc, đồng thời nghiên cứu nhiều thành tựu khoa học tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật biện chứng, thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng khoa học. Bằng phép biện chứng duy vật, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử - phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen là sự khẳng định về mặt triết học sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đều tất yếu như nhau.

*- Học thuyết về giá trị thặng dư*

Từ việc phát hiện ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã sáng tạo ra bộ “Tư bản”, mà giá trị to lớn nhất của nó là “Học thuyết về giá trị thặng dư - phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghhen là sự khẳng định về phương diện kinh tế sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

*- Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân*

Trên cơ sở hại phát kiến vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có phát kiến vĩ đại thứ ba, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Với phát kiến thứ ba, những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán đã được khắc phục một cách triệt để, đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị- xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Được sự uỷ nhiệm của những người cộng sản và công nhân quốc tế, tháng 2 năm 1848, tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo được công bố trước toàn thế giới. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là tác phẩm kinh điển chủ yếu của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Sự ra đời của tác phẩm vĩ đại này đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác bao gồm ba bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản còn là Cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người vĩnh viễn thoát khỏi mọi áp bức, bóc lột giai cấp, bảo đảm cho loài người được thực sự sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc.

Chính Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và lô gic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thâu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học, tiêu biểu và nổi bật là những luận điểm:

- Cuộc đấu tranh của giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn xã hội ra khỏi tình trạng phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột và đấu tranh giai cấp. Song, giai cấp vô sản không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử nếu không tổ chức ra chính đáng của giai cấp, Đảng được hình thành và phát triển xuất phát từ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Lôgic phát triển tất yếu của xã hội tư sản và cũng là của thời đại tư bản chủ nghĩa đó là sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là tất yếu như nhau.

- Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

- Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, cần thiết phải thiết lập sự liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến chuyên chế, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Những người cộng sản phải tiến hành cách mạng không ngừng nhưng phải có chiến lược, sách lược khôn khéo và kiên quyết

**Câu 4: Phân tích nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

Giai cấp công nhân là 1 tập đoàn xã hội ổn định hình thành và phát triển cùng cới quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa tư sản.Ở các nước tư bản chủ nghĩa giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất làm thuê cho giai cấp tư sản và bị bóc lột giá trị thặng dư. Ở các nước xã hội chủ nghĩa giai cấp công nhân cùng với quần chúng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

*Nội dung kinh tế*

Là nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất xã hội hóa cao, giai cấp công nhân cũng là đại biểu cho quan hệ sản xuất mới, sản xuất ra của cải vật chất ngày càng nhiều đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của con người và xã hội. Bằng cách đó, giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

Mặt khác, tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất đòi hỏi một quan hệ sản xuất mới, phù hợp với chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội là nền tảng, tiêu biểu cho lợi ích của toàn xã hội. Giai cấp công nhân đại biểu cho lợi ích chung của xã hội. Chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với nghĩa là tự hữu. Nó phấn đấu cho lợi ích chung của toàn xã hội. Nó chỉ tìm thấy lợi ích chân chính của mình khi thực hiện được lợi ích chung của cả xã hội.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhận thông qua quá trình công nghiệp hóa và thực hiện một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động để tăng năng suất lao động xã hội và thực hiện các nguyên tắc sở hữu, quản lý và phân phối phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Trên thực tế, hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa lại ra đời từ phương thức phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Do đó, để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình về nội dung kinh tế, giai cấp công nhân phải đóng vai trò nòng cốt trong quá trình giải phóng lực lượng sản xuất (vốn bị kìm hãm, lạc hậu, chậm phát triển trong quá khứ), thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển để tạo cơ sở cho quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa ra đời.

*-* N*ội dung chính trị - xã hội*

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp thống trị, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế và văn hóa, xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lý kinh tế - xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

*- Nội dung* v*ăn hóa, tư tưởng*

Thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do.

Giai cấp công nhân thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng bao gồm cải tạo cái cũ lỗi thời, lạc hậu, xây dựng cái mới, tiến bộ trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, trong tâm lý, lối sống và trong đời sống tinh thần xã hội. Xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh để khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung căn bản mà cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng đặt ra đối với sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện đại.

**Câu 5: Phân tích điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân?**

Giai cấp công nhân là 1 tập đoàn xã hội ổn định hình thành và phát triển cùng cới quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa tư sản.Ở các nước tư bản chủ nghĩa giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất làm thuê cho giai cấp tư sản và bị bóc lột giá trị thặng dư. Ở các nước xã hội chủ nghĩa giai cấp công nhân cùng với quần chúng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

*Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân*

Giai cấp công nhân là con đẻ, là sản phẩm của nền đại công nghiệp có tính xã hội hóa ngày càng cao, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Vì thế, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến và lực lượng sản xuất hiện đại. Do lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại, giai cấp công nhân là người sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội, làm giàu cho xã hội, có vai trò quyết định sự phát triển của xã hội hiện đại.

Điều kiện khách quan này là nhân tố kinh tế, quy định giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giành chính quyền về tay mình, chuyển từ giai cấp “tự nó thành giai cấp “vì nó”. Giai cấp công nhân trở thành đại biểu cho sự tiến hóa tất yếu của lịch sử, là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xã hội, xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới, không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

*Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định*

Là giai cấp sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội, nhưng trong chủ nghĩa tư bản họ lại là người không có sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, phải bán sức lao động để kiếm sống, bị bóc lột nặng nề, lợi ích cơ bản của họ đối lập trực tiếp với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản và thống nhất với lợi ích cơ bản của đa số nhân dân lao động.

Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân có được những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng: tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

Những phẩm chất ấy của giai cấp công nhân được hình thành từ chính những điều kiện khách quan, được quy định từ địa vị kinh tế và địa vị chính trị - xã hội của nó trong nên sản xuất hiện đại và trong xã hội hiện đại mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một cách khách quan, ngoài ý muốn của nó. Giai cấp công nhân được trang bị lý luận tiên tiến là chủ nghĩa Mác - Lênin, có đội tiền phong là Đảng Cộng sản dẫn dắt.

Tóm lại, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân sở dĩ được thực hiện bởi giai cấp công nhân, vì nó là một giai cấp cách mạng, đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, cho phương thức sản xuất tiên tiến thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xác lập phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho tương lai, cho xu thế đi lên của tiến trình phát triển lịch sử. Đây là đặc tính quan trọng, quyết định bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Hoàn toàn không phải vì nghèo khổ mà giai cấp công nhân là một giai cấp cách mạng. Tình trạng nghèo khổ của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản là hậu quả của sự bóc lột, áp bức mà giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản tạo ra dối với công nhân. Đó là trạng thái mà cách mạng sẽ xóa bỏ để giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng xã hội.

**Câu 6:Phân tích điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình?**

Giai cấp công nhân là 1 tập đoàn xã hội ổn định hình thành và phát triển cùng cới quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại là giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa tư sản.Ở các nước tư bản chủ nghĩa giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất làm thuê cho giai cấp tư sản và bị bóc lột giá trị thặng dư. Ở các nước xã hội chủ nghĩa giai cấp công nhân cùng với quần chúng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của mình.

Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra những điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Đó là:

- S*ự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng* và *chất lượng.* Thông qua sự phát triển này có thể thấy sự lớn mạnh của giai cấp công nhân cùng với quy mô phát triển của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng của công nghiệp, của kỹ thuật và công nghệ.

Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Chất lượng giai cấp công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay.

Để phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng, theo chủ nghĩa Mác -Lênin phải đặc biệt chú ý đến hai biện pháp cơ bản: 1) Phát triển công nghiệp – “tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết và 2) Sự trưởng thành của Đảng Cộng sản – hạt nhân chính trị quan trọng của giai cấp công nhân.

Chỉ với sự phát triển về số lượng và chất lượng, đặc biệt về chất lượng, giai cấp công nhân mới có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình.

*- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.*

Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhận ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

Quy luật chung, phổ biến cho sự ra đời của Đảng Cộng sản là sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học, tức chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân". Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp. Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội. Sức mạnh của Đảng không chỉ thể hiện bản chất giai cấp công nhân mà còn ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, với quần chúng lao động đông đảo trong xã hội, thực hiện cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên chủ nghĩa Mác - Lênin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có *sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân* và *các tầng lớp lao động khác* do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Đây cũng là một điều kiện quan trọng không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

**Câu 7:Trình bày nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lenin?**

*Theo nghĩa rộng, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, khái niệm dân tộc dùng để chỉ một quốc gia, nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước. Ví dụ, dân tộc Án Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam v.v..*

Theo nghĩa hẹp, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người của các cộng đồng đó. Với nghĩa này, dân tộc là một bộ phận hay thành phần của quốc gia. Chẳng hạn, Việt Nam là quốc gia có 54 dân tộc tức 54 cộng đồng tộc người. Sự khác nhau giữa các cộng đồng tộc người ấy biểu hiện chủ yếu ở đặc trưng văn hóa, lối sống, tâm lý, ý thức tộc người.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp; kết hợp phân tích hai xu hướng khách quan trong sự phát triển dân tộc; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc những năm đầu thế kỷ XX, VILênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhận tất cả các dân tộc lại”.

Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đăng | Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xoá bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

*Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết*

Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân. VILênin đặc biệt chú trọng quyền tự quyết của các dân tộc bị áp bức, các dân tộc phụ thuộc.

Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai dân tộc.

*Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc*

Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa mác leenin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**Câu 8:Nêu quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về bản chất và phân tích tính chất của tôn giáo?**

Bản chất của tôn giáo

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí... Ph.Ăngghen cho rằng: “... tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”.

Ở một cách tiếp cận khác, tôn giáo là một thực thể xã hội - các tôn giáo cụ thể (ví dụ: Công Giáo, Tin lành, Phật giáo...), với các tiêu chí cơ bản sau: có niềm tin sâu sắc vào đấng siêu nhiên, đấng tối cao, thần linh để tôn thờ (niềm tin tôn giáo); có hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, lễ nghi) phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức, lễ nghi của tôn giáo; có hệ thống cơ sở thờ tự; có tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo (người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp); có hệ thống tín đồ đông đảo, những người tự nguyện tin theo một tôn giáo nào đó, và được tôn giáo đó thừa nhận.

Chỉ rõ bản chất của tôn giáo, chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định rằng: Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá do con người sáng tạo ra. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hoá và phục tùng tôn giáo vô điều kiện. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng cho rằng, sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế, xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo. Do đó, mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế. Về phương diện thế giới quan, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mặc dù có sự khác biệt về thế giới quan, nhưng những người cộng sản với lập trường mác xít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu câu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; ngược lại, luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của nhân dân. Trong những điều kiện cụ thể của xã hội, những người cộng sản và những người có tín ngưỡng tôn giáo có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới hiện thực. Xã hội ấy chính là xã hội mà quần chúng tín đồ cũng từng mơ ước và phản ánh nó qua một số tôn giáo.

Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định. Tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ. Có nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau như: tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng Thờ anh hùng dân tộc; tín ngưỡng Thờ Mẫu...

Mê tín là niềm tin mê muội, viển vông, không dựa trên một cơ sở khoa học nào. Nói cách khác là niềm tin về mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện, sự vật, hiện tượng, nhưng thực tế không có mối liên hệ cụ thể, rõ ràng, khách quan, tất yếu, nhưng được bao phủ bởi các yếu tố siêu nhiên, thần thánh, hư ảo. Dị đoan là sự suy đoán, hành động một cách tùy tiện, sai lệch những điều bình thường, chuẩn mực trong cuộc sống.

Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

 Tính chất của tôn giáo Tính lịch sử của tôn giáo

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là nó có sự hình thành, tồn tại và phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo. Trong quá trình vận động của các tôn giáo, chính các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử cụ thể đã làm cho các tôn giáo bị phân liệt, chia tách thành nhiều tôn giáo, hệ phái khác nhau,

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp cho đại đa số quần chúng nhân dân nhận thức được bản chất các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người.

*Tính quần chúng của tôn giáo*

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu lục. Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gần 3/4 dân số thế giới); mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hoá, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân. Dù tôn giáo hướng con người vào niềm tin hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Mặt khác, nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo và hướng thiện, vì vậy, được nhiều người ở các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là quần chúng lao động, tin theo.

*Tính chính trị của tôn giáo*

Khi xã hội chưa có giai cấp, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới xung quanh mình, tôn giáo chưa mang tính chính trị. Tính chất chính trị của tôn giáo chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích giai cấp. Trước hết, do tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Mặt khác, khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực, phản tiến bộ.

Vì vậy, cần nhận rõ rằng, đa số quần chúng tín đồ đến với tôn giáo nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần; song, trên thực tế, tôn giáo đã và đang bị các thế lực chính trị - xã hội lợi dụng thực hiện mục đích ngoài tôn giáo của họ.

**Câu 9:Nêu những đặc trưng cơ bản của CNXH theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin? Phân tích quan điểm 3? (CNXH có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượn sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về TKSX chủ yếu)**

Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận trên một số góc độ sau đây: 1) Là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công, chống các giai cấp thống trị; 2) Là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột, bất công; 3) Là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; 4) Là một chế độ xã hội tốt đẹp. giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội:

*Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.*

*Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu*

*Chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ*

*Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.*

*Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại.*

*Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.*

*Phân tích luận điểm 3:* *Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu*

Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người trên cơ sở điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, mà xét đến cùng là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa xã hội là xã hội có nền kinh tế phát triển cao, với lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, được tổ chức quản lý có hiệu quả, năng suất lao động cao và phân phối chủ yếu theo lao động. V.I.Lênin cho rằng: “từ chủ nghĩa tư bản, nhân loại chỉ có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, nghĩa là chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất và chế độ phân phối theo lao động của mỗi người.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội, theo Ph.Ăngghen không thể ngay lập tức thủ tiêu chế độ tư hữu. Trả lời câu hỏi: Liệu có thể thu tiểu chế độ tư hữu ngay lập tức được không? Ph.Ăngghen dứt khoát cho rằng: “Không, không thể được cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng nền kinh tế công hữu. Cho nên cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên một khối lượng tư liệu cần thiết cho việc cải tạo đó là khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu”.

Cùng với việc từng bước xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, để nâng cao năng suất lao động cần phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn, tổ chức chặt chẽ và kỷ luật lao động nghiêm, nghĩa là phải tạo ra quan hệ sản xuất tiến bộ, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. V.I. Lệnin cho rằng: “thiết lập một chế độ xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là nâng cao năng suất lao động và do đó (và nhằm mục đích đó) phải tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn.

Đối với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản di lên chủ nghĩa xã hội, để phát triển lực lượng sản xuất , nâng cao năng suất lao động, VILênin chỉ rõ tất yếu phải “bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc” xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước: “Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội”. “dưới chính quyền xô- viết thì chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ có thể là chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, VILênin chỉ rõ, những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản di lên chủ nghĩa xã hội cần thiết phải học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển theo cách thức: “Dùng cả hai tay mà lấy những cái tốt của nước ngoài: Chính quyền Xô-viết + trật tự ở đường sắt Phổ +kỹ thuật và cách tổ chức các tơ-rớt ở Mỹ + ngành giáo dục quốc dân Mỹ etc. etc. ++=>∑(tổng số) = chủ nghĩa xã hội”.

**Câu 10:Nêu quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về bản chất và phân tích nguồn gốc của tôn giáo?**

Bản chất của tôn giáo

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí... Ph.Ăngghen cho rằng: “... tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”.

Ở một cách tiếp cận khác, tôn giáo là một thực thể xã hội - các tôn giáo cụ thể (ví dụ: Công Giáo, Tin lành, Phật giáo...), với các tiêu chí cơ bản sau: có niềm tin sâu sắc vào đấng siêu nhiên, đấng tối cao, thần linh để tôn thờ (niềm tin tôn giáo); có hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, lễ nghi) phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức, lễ nghi của tôn giáo; có hệ thống cơ sở thờ tự; có tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo (người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp); có hệ thống tín đồ đông đảo, những người tự nguyện tin theo một tôn giáo nào đó, và được tôn giáo đó thừa nhận.

Chỉ rõ bản chất của tôn giáo, chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định rằng: Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá do con người sáng tạo ra. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hoá và phục tùng tôn giáo vô điều kiện. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng cho rằng, sản xuất vật chất và các quan hệ kinh tế, xét đến cùng là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của các hình thái ý thức xã hội, trong đó có tôn giáo. Do đó, mọi quan niệm về tôn giáo, các tổ chức, thiết chế tôn giáo đều được sinh ra từ những hoạt động sản xuất, từ những điều kiện sống nhất định trong xã hội và thay đổi theo những thay đổi của cơ sở kinh tế. Về phương diện thế giới quan, các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, có sự khác biệt với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mặc dù có sự khác biệt về thế giới quan, nhưng những người cộng sản với lập trường mác xít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu câu tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; ngược lại, luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của nhân dân. Trong những điều kiện cụ thể của xã hội, những người cộng sản và những người có tín ngưỡng tôn giáo có thể cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn ở thế giới hiện thực. Xã hội ấy chính là xã hội mà quần chúng tín đồ cũng từng mơ ước và phản ánh nó qua một số tôn giáo.

Tôn giáo và tín ngưỡng không đồng nhất, nhưng có giao thoa nhất định. Tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin, sự ngưỡng mộ, cũng như cách thức thể hiện niềm tin của con người trước các sự vật, hiện tượng, lực lượng có tính thần thánh, linh thiêng để cầu mong sự che chở, giúp đỡ. Có nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau như: tín ngưỡng Thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng Thờ anh hùng dân tộc; tín ngưỡng Thờ Mẫu...

Mê tín là niềm tin mê muội, viển vông, không dựa trên một cơ sở khoa học nào. Nói cách khác là niềm tin về mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện, sự vật, hiện tượng, nhưng thực tế không có mối liên hệ cụ thể, rõ ràng, khách quan, tất yếu, nhưng được bao phủ bởi các yếu tố siêu nhiên, thần thánh, hư ảo. Dị đoan là sự suy đoán, hành động một cách tùy tiện, sai lệch những điều bình thường, chuẩn mực trong cuộc sống.

Mê tín dị đoan là niềm tin của con người vào các lực lượng siêu nhiên, thần thánh đến mức độ mê muội, cuồng tín, dẫn đến những hành vi cực đoan, sai lệch quá mức, trái với các giá trị văn hóa, đạo đức, pháp luật, gây tổn hại cho cá nhân, xã hội và cộng đồng.

 Nguồn gốc của tôn giáo Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội

Trong xã hội công xã nguyên thuỷ, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hùng vĩ tác động và chi phối khiến cho con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí.

Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hoá giai cấp và áp bức bóc lột bất công, tội ác v.v..., cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

*Nguồn gốc nhận thức*

Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa “biết” và “chưa biết vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo. Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh, nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, là mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển. Thực chất nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hoá, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

*Nguồn gốc tâm lý*

Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật, ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn (ví dụ: ma chay, cưới xin, làm nhà, khởi đầu sự nghiệp kinh doanh...), con người cũng dễ tìm đến với tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo (ví dụ: thờ các anh hùng dân tộc, thời các thành hoàng làng...).